TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ - ST
Ngày 23/6/2026
"V/v: Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Xuân Tựu**

Bà **Đỗ Thị Láng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Triệu Giang** – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà **Mạc Thị Quỳnh Dâng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2026/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lãnh Thị L, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn P, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lãnh Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lãnh Thị L kết hôn với anh Hoàng Văn M trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay

là xã T, tỉnh Đắk Lắk) ngày 15/9/2014, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được khoảng một năm. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân, anh M đã về thôn P xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Nay là thôn P, xã C, tỉnh Thái Nguyên) sinh sống từ đầu năm 2016 đến nay. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn M.

Về con chung: Chị Lãnh Thị L và anh Hoàng Văn M có 01 con chung tên là Hoàng Lãnh T, sinh ngày 21/4/2014 phát triển bình thường. Hiện nay con chung đang ở với chị L, được chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Chị L không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lãnh Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại các biên bản xác minh ngày 18/02/2026 với Trưởng thôn Pác Nghè, xã C, tỉnh Thái Nguyên và Công an xã C, tỉnh Thái Nguyên thể hiện: Anh Hoàng Văn M không sinh sống ổn định tại địa phương, thường xuyên vắng mặt, thi thoảng chỉ về vào các dịp lễ, tết. Hiện tại anh M không có mặt tại địa phương, gia đình cho biết anh M đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương trước sáp nhập nhưng không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể. Anh M và chị L chung sống với nhau khi chị L chưa đủ 16 tuổi nên đã bị Tòa án tuyên phạt án tù giam về tội giao cấu với trẻ em, sau khi chấp hành án phạt tù xong anh M và chị L đăng ký kết hôn chung sống với nhau được 01 năm ở trong tỉnh Đắk Lắk thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống anh M đã trở về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Nay là thôn P, xã C, tỉnh Thái Nguyên) sinh sống từ đó cho đến nay, còn chị L và con thì sinh sống ở trong tỉnh Đắk Lắk không ai còn quan tâm đến ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Hoàng Văn M đều vắng mặt không có lý do, anh M không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án, do vậy mà Tòa án không tiến hành hòa giải được và phải hoãn phiên tòa lần một.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Lãnh Thị L vắng mặt nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Hoàng Văn M và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Lãnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của chị Lãnh Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lãnh Thị L có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn tranh chấp nuôi con chung với anh Hoàng Văn M, nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn anh Hoàng Văn M có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại xã C, tỉnh Thái Nguyên do vậy việc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lãnh Thị L kết hôn với anh Hoàng Văn M trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/9/2014 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk), tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của chị Lãnh Thị L và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng chị Lãnh Thị L và anh Hoàng Văn M đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2016, chị L và anh M không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Lãnh Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị Lãnh Thị L và anh Hoàng Văn M có 01 con chung tên là Hoàng Lãnh T, sinh ngày 21/4/2014, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay con chung đang ở với chị L, được chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi. chị L không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay con chung của chị L, anh M khỏe mạnh, phát triển bình thường và được chị L chăm sóc, giáo dục, chị L làm nghề lao động tự do thu nhập 6.000.000đ/1 tháng đủ lo cho con, hơn nữa hiện nay anh M không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không rõ địa chỉ, do vậy cần giao con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng với nguyện vọng của con chung.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lãnh Thị L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Chị Lãnh Thị L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về vay nợ chung: Chị Lãnh Thị L không yêu cầu giải quyết về vay nợ chung và cho vay, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Đánh giá quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Chị Lãnh Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lãnh Thị L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lãnh Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn M.

3. Về con chung: Giao con chung Hoàng Lãnh T, sinh ngày 21/4/2014 cho chị Lãnh Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom

để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Lãnh Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về tài sản chung: Chị Lãnh Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về vay nợ chung: Chị Lãnh Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

7. Về án phí: Chị Lãnh Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000156 ngày 13/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 9 - Thái Nguyên. (01b)
- TAND tỉnh Thái Nguyên. (01b)
- VKSND tỉnh Thái Nguyên.(01b)
- Phòng THADS khu vực 9 - Thái Nguyên. (01b)
- UBND xã Tam Giang, tỉnh Đắk Lắk. (01b)
- Các đương sự. (02b)
- Lưu hs; lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hà Thanh Tuấn